

PHỤ LỤC 01
TẠM GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
CẤP TỈNH NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp giao năm 2026	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Các cơ quan, đơn vị	7.844	4.759	188	2.165	731	2.384	
1	Văn phòng UBND tỉnh	31				31	9	
-	Trung tâm công báo và tin học	15				15	1	
-	Trung tâm Phục vụ hành chính công	9				9		
-	Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị	7				7	8	
2	Sở Nội vụ	40				40	18	
-	Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	15				15	8	
-	Trung tâm điều dưỡng người có công	15				15		
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	9				9	10	
-	Ban vì sự tiến bộ phụ nữ	1				1		
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	355				354	267	
-	Trạm Kiểm dịch động vật Sa Huỳnh, thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y	6				6		
-	Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai, thuộc Chi cục Thủy lợi	6				6		
-	Chi cục Phát triển nông thôn	4				4		
-	Chi cục Kiểm lâm	57				57		
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ hạ Thạch Nham (BQL rừng phòng hộ tỉnh cũ)	86				86		
-	Trung tâm Khuyến nông	53				53		
-	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	12				12	20	
-	Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường	5				5	17	
-	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh	21				21	130	
-	Ban Quản lý rừng đặc dụng Đắk Uy	10				9	4	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắk Glei	54				54	42	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tu Mơ Rông	23				23	35	

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp giao năm 2026	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy	18				18	19	
4	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	188		188			25	
-	Bảo tàng tổng hợp tỉnh	38		38				
-	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	72		72			5	
-	Thư viện Tổng hợp tỉnh	30		30				
-	Ban Quản lý Khu chứng tích Sơn Mỹ	9		9			2	
-	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao tỉnh	39		39			18	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	28				28	29	
-	Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi	16				16	18	
-	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Ngãi	12				12	11	
6	Sở Tư pháp	40				40		
-	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh số 1	23				23		
-	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh số 2	17				17		
7	Sở Giáo dục và Đào tạo (các đơn vị sự nghiệp trực thuộc)	4.442	4.442					
8	Sở Y tế	2.254			2.165	89	1.830	
-	Tuyển tỉnh và tuyển huyện	2.165			2.165		1.830	
-	Trung tâm công tác xã hội Quảng Ngãi	42				42		
-	Trung tâm công tác xã hội Kon Tum	40				40		
-	Quỹ bảo trợ trẻ em	7				7		
9	Sở Xây dựng	18				18		
	Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động (Kon Tum cũ)	18				18		
10	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	6				6		
-	Ban Quản lý cửa khẩu quốc tế Bờ Y	6				6		
11	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	101	101				153	
12	Trường Cao đẳng Kon Tum	216	216				11	

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp giao năm 2026	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
13	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Quảng Ngãi	57				57	1	
14	Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	63				63	31	
15	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	5				5	10	Chưa bao gồm số lượng NLV hưởng lương từ nguồn thu thuộc TT PT Quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi cũ